

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 29/10/2020

V/v “Chia tài sản sau ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung

Các thẩm phán:

Bà Trương Thị Thảo

Ông Nguyễn Trung Hưng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phùng Đức Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2020/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 32/2020/HNGĐ - ST ngày 26-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 72/2, khu phố Hiệp C (nay là khu phố Hiệp L), thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Ng: Luật sư Nguyễn Trọng Y - Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú cuối cùng: Ấp Th (nay là ấp Th), xã Ph, huyện T, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Khu phố Hiệp Tâm 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành D - Chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

3.2 Bà Trần Thị H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 93/2A, ấp Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2019 và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Bà và ông S là vợ chồng, đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 157/2010/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2010 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông S có tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng đất có diện tích 120m² thửa số 118, tờ bản đồ số 48, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc tại số 72/2, khu phố C, (nay là khu phố H), thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W141588 cho ông Nguyễn Văn S ngày 07/10/2002. Khi giải quyết ly hôn thì bà và ông S tự thỏa thuận về tài sản chung như sau: Tổng trị giá tài sản chung là 200.000.000 đồng, chia đôi mỗi người một nửa, nợ nhà nước là 27.000.000 đồng bà có trách nhiệm trả, cầm sổ đỏ và trả nợ cho ông S số tiền 30.000.000 đồng. Tổng cộng bà trả nợ cho ông S 57.000.000 đồng, cần trừ vào số tiền thỏa thuận nên bà phải đưa thêm cho ông S số tiền 43.000.000 đồng. Bà nuôi dưỡng con thì bà được nhận quyền sử dụng đất nêu trên cùng căn nhà cấp 4 trên đất. Hai bên lập thành bản tự thỏa thuận chia tài sản chung ngày 07/11/2010 nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn như sau: Xác định tài sản trên đất là tài sản riêng của bà. Bà yêu cầu được quyền sử dụng diện tích 120m² đất thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 48 tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W141588 cấp cho ông Nguyễn Văn S, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 có kết cấu: Móng, cột gạch, tường gạch dày 100mm, tô trát, sơn nước, cửa đi sắt kính, cửa sổ sắt kính + gỗ, cửa phòng gỗ, xà gồ sắt, mái tôn, trần tôn lạnh + trần nhựa, nền gạch ceramic. Bà có trách nhiệm thanh toán lại cho ông S ½ trị giá tài sản nhà và đất là 300.000.000 đồng. Bà đã thanh toán cho ông S phần tài sản được hưởng bằng tiền là 100.000.000 đồng vào ngày 07 tháng 11 năm 2007.

Qua đo vẽ thực tế, thì diện tích đất bà đang quản lý, sử dụng là 135m², tăng lên 15m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo bản trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 725/2017 ngày 31/10/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Đ). Diện tích đất 15m² này bà và ông S chưa đăng ký, kê khai theo luật đất đai và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, trong quá trình quản lý căn nhà thì bà có làm thêm một số tài sản theo biên bản định giá ngày 20/4/2020, tổng giá trị tài sản bà làm thêm là 22.944.000 đồng.

Bà yêu cầu xác định tài sản trên đất là tài sản riêng của bà, diện tích đất 135m² có trị giá là 472.500.000 đồng, bà đề nghị tính công sức đóng góp cho bà là 100.000.000 đồng, phần còn lại chia đôi, phần ông S phải trả cho bà 100.000.000 đồng ngày 07/11/2010 mà bà đã giao thêm cho ông S và trả nợ

chung vợ chồng. Tính tiền lãi 10 năm của số tiền 100.000.000 đồng mà bà đã trả nợ chung và giao thêm cho ông S. Yêu cầu tính chi phí thẩm định giá, án phí vào tài sản chung để tính trừ cho bà.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S đều vắng mặt không có lý do, cũng không nộp văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Ng.

Theo bản khai và quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:

Ông Nguyễn Văn S là người có trách nhiệm thi hành án đối với số tiền còn nợ bà theo Bản án số 18/2011/DSST ngày 27-12-2011 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú đã có hiệu lực pháp luật. Bà đã yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán thi hành án bản án nêu trên. Theo hồ sơ tại cơ quan thi hành án thì quyền sử dụng đất diện tích 120m² thửa số 118, tờ bản đồ số 48, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc tại số 72/2, khu phố C, (nay là khu phố H), thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W141588 cho ông Nguyễn Văn S là tài sản duy nhất để thi hành án của ông S. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của bà Ng và ông S theo quy định pháp luật và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán có đơn xin vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án số 32/2020/HNGĐ-ST ngày 26-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán đã căn cứ Điều 27, 28, 32 và Điều 95 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 233, 236, 237, 238 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 46, 48, 49, 50, 105, 10 của Luật Đất đai năm 2003

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng về “Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn” với ông Nguyễn Văn S.

Giao cho bà Ng được sở hữu, quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4 có kết cấu: Móng, cột gạch, tường gạch dày 100mm, tô trát, sơn nước, cửa đi sắt kính, cửa sổ sắt kính + gỗ, cửa phòng gỗ, xà gồ sắt, mái tôn, trần tôn lạnh + trần nhựa, nền gạch ceramic và các công trình làm thêm.

Toàn bộ tài sản trên tọa lạc trên diện tích đất 135m² theo trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 725/2017, tỷ lệ 1/500 ngày 31/10/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Đ.

Bà Nguyễn Thị Ng có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu tài sản trên đất và quyền sử dụng diện tích đất 120m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với diện tích đất 15m² tăng thêm tạm giao bà Nguyễn Thị Ng quản lý, sử dụng và thực hiện việc đăng ký kê khai theo quy định của pháp luật.

Bà Ng có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn S 138.500.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/6/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng kháng cáo yêu cầu chia công sức đóng góp làm tăng giá trị tài sản trong 10 năm là 100.000.000 đồng và tính lãi suất ngân hàng của số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 06/6/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H kháng cáo toàn bộ bản án.

Quan điểm và đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Ng: Thỏa thuận chia tài sản chung năm 2010 giữa ông S với bà Ng chứng minh bà Ng đã giao thêm cho ông S và trả nợ chung của vợ chồng là 100.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử khi xem xét chia tài sản chung thì yêu cầu tính công sức bảo quản làm tăng giá trị tài sản của bà Ng trong 10 năm là 100.000.000 đồng. Tính trừ số tiền 100.000.000 đồng mà bà Ng đã giao thêm cho ông S, trả nợ chung vợ chồng và tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng này trong 10 năm theo lãi suất ngân hàng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, đảm bảo vô tư, khách quan, trình tự phiên tòa được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất đường lối giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của ông S, bà Ng là quyền sử dụng đất có diện tích 120m² thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 48, tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai có giá trị là 420.000.000 đồng, sau khi trừ số tiền nợ chung là 57.000.000 đồng, ông S và bà Ng mỗi người được chia 181.500.000 đồng, ông S phải trả cho bà Ng 43.000.000 đồng mà ông S đã nhận của bà Ng vào ngày 09/12/2010. Giá trị tài sản còn lại cho ông S được chia số tiền 138.500.000 đồng và giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bà Ng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Ng và bà H giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng, bà Trần Thị H làm trong hạn luật định, đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của ông S và bà Ng sau khi ly hôn là quyền sử dụng đất có diện tích 120m² thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 48, tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai có giá trị là 420.000.000 đồng sau khi trừ số tiền nợ chung là 57.000.000 đồng mà bà Ng đã trả cho Ngân hàng chính sách xã hội và bà Hồ Thị Minh Th, tài sản chung còn lại là 363.000.000 đồng, ông S và bà Ng mỗi người được chia 181.500.000 đồng, ông S phải trả cho bà Ng 43.000.000 đồng mà ông S đã nhận của bà Ng vào ngày 09/12/2010. Giá trị tài sản còn lại cho ông S được chia số tiền 138.500.000 đồng và giao cho bà Ng được sở hữu, sử dụng căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 120m² thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 48, tại thị trấn Đ, huyện Đ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Bà Ng kháng cáo yêu cầu chia công sức đóng góp làm tăng giá trị tài sản trong 10 năm là 100.000.000 đồng, thấy rằng sau khi ly hôn, bà Ng là người trực tiếp quản lý sử dụng tài sản chung, bà Ng sử dụng nhà để kinh doanh và được sử dụng số tiền thu lợi từ việc kinh doanh, việc đất tăng giá là do giá thị trường tăng chứ bản thân bà Ng cũng không tôn tạo gì để làm tăng thêm giá trị đất, do vậy kháng cáo của bà Ng là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng là nợ chung và đưa thêm cho ông S. Như đã nhận định ở trên, thì bà Ng sử dụng nhà và thu lợi từ việc kinh doanh nên yêu cầu tính lãi của số tiền đã giao cho ông S và trả nợ chung là không có căn cứ.

[4] Đối với kháng cáo của bà Trần Thị H, về việc chia cho ông S ½ giá trị tài sản là quyền sử dụng 120m², thửa đất số 118, tờ bản đồ số 48, thị trấn Đ, huyện Đ là 420.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm đã trừ đi số nợ chung là 57.000.000 đồng, còn lại 363.000.000 đồng chia cho ông S được ½ giá trị là 181.500.000 đồng, ông S đã nhận trước của bà Ng 43.000.000 đồng vào ngày 09/12/2010, như vậy Tòa sơ thẩm chia cho ông S số tiền 138.500.000 đồng là có căn cứ đúng quy định. Do vậy, kháng cáo của bà H là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Đối với diện tích đất tăng thêm 15m² tạm giao bà Ng quản lý, sử dụng và thực hiện việc đăng ký kê khai theo quy định của pháp luật. Ông S, bà Ng có quyền khởi kiện bằng vụ án khác đối với diện tích đất tăng thêm theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Ng và ông S mỗi bên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.075.000 đồng là đúng quy định.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bà Ng và bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà Ng và bà H đã nộp.

Quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí Lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng và bà Trần Thị H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 27, 28, 32 và Điều 95 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 233, 236, 237, 238 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 46, 48, 49, 50, 105, 10 của Luật Đất đai năm 2003

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng về “Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn” với ông Nguyễn Văn S.

Giao cho bà Nguyễn Thị Ng được sở hữu, quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4 có kết cấu: Móng, cột gạch, tường gạch dày 100mm, tô trát, sơn nước, cửa đi sắt kính, cửa sổ sắt kính + gỗ, cửa phòng gỗ, xà gồ sắt, mái tôn, trần tôn lạnh + trần nhựa, nền gạch ceramic diện tích là 85,38m² và tài sản trên đất.

Toàn bộ tài sản trên tọa lạc trên diện tích đất 135m² thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 48, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai Theo trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 725/2017 ngày 31/10/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Đ.

Bà Ng có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn S 138.500.000 (một trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị Ng có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu tài sản trên đất và quyền sử dụng diện tích đất 120m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với diện tích đất 15m² tăng thêm tạm giao bà Nguyễn Thị Ng quản lý, sử dụng và thực hiện việc đăng ký kê khai theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu tiền án phí chia tài sản chung là 9.075.000 (chín triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Ng đã nộp 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0002418 ngày 11/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán. Bà Nguyễn Thị Ng còn phải nộp tiếp 1.575.000 (một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí.

Ông Nguyễn Văn S phải chịu tiền án phí chia tài sản chung là 9.075.000 (chín triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ng và Trần Thị H mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà Ng và bà H đã nộp theo biên lai số 0005159 ngày 11/6/2020 và 0005215 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Nhung

